

Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 06 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 513/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Trần Thị Huỳnh N**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số H, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

-Anh **Trang Văn D**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số H, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Huỳnh N và anh Trang Văn D kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 27/12/2024 của chị N và anh D đã thỏa thuận như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Huỳnh N và anh Trang Văn D thuận tình ly hôn. Chị N và anh D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh D có 02 con chung tên Trang Hoàng H, sinh ngày 09/10/2005 và Trang Kim A, sinh ngày 17/5/2007. Sau ly hôn anh chị thỏa thuận, chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng nuôi dưỡng cháu Trang Kim A cho đến khi tròn 18, chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trang Hoàng H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không đề cập đến việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh D khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm chị N và anh D phải chịu là 300.000 đồng.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Huỳnh N và anh Trang Văn D. Ghi nhận việc chị N và anh D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh D có 02 con chung tên Trang Hoàng H, sinh ngày 09/10/2005 và Trang Kim A, sinh ngày 17/5/2007. Sau ly hôn, chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trang Kim A cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trang Hoàng H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không đề cập đến việc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh D khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

- Về các vấn đề khác: Chị N và anh D khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Huỳnh N và anh Trang Văn D mỗi người phải nộp là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005509 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chị N và anh D đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân thành phố Bến Tre;
- CC THA DS thành phố Bến Tre;
- UBND xã Hoà Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Lê Thị Thúy Hằng